

Số: 276/TANDTC-PC

V/v hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi
cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2016

Kính gửi:

- Các đồng chí Chánh án Tòa án nhân dân
và Tòa án quân sự các cấp;
- Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao.

Ngày 27 tháng 11 năm 2015, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 (sau đây viết tắt là Bộ luật hình sự năm 2015) và Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 (sau đây viết tắt là Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015). Hai Bộ luật này đều có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016. Tuy nhiên, tại Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016, Quốc hội đã quyết định lùi hiệu lực thi hành của hai Bộ luật này từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 đến ngày Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành. Đồng thời giao cho Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành điểm a và điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị quyết về các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 và các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để thi hành các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015.

Để áp dụng đúng, thống nhất và kịp thời các quy định nêu trên, Tòa án nhân dân tối cao yêu cầu các đồng chí quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc một số nội dung sau đây:

1. Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 và các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để thi hành các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành.

2. Quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 bao gồm các quy định về xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội. Những quy định nêu trên được tập hợp trong Danh mục ban hành kèm theo Công văn này.

3. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để thi hành các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 là các quy định về thủ tục tố tụng áp dụng đối với các trường hợp sau:

a) Chuyển hình phạt từ hình sang hình phạt tù chung thân đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 40 Bộ luật hình sự năm 2015; các điểm a, b và điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội và hướng dẫn tại khoản 2 Điều 1 và Điều 2 Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

b) Tha tù trước thời hạn có điều kiện;

c) Xóa án tích;

d) Xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi.

4. Tòa án nhân dân tối cao yêu cầu các đồng chí Chánh án Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự các cấp, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao ngay khi nhận được Công văn này phải tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm, thống nhất nhằm bảo đảm áp dụng đúng các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 và các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để thi hành các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài các quy định trong Danh mục, khi giải quyết các vụ án, vụ việc về hình sự, nếu nhận thấy quy định khác của Bộ luật hình sự năm 2015 có lợi cho người phạm tội thì Tòa án các cấp xem xét áp dụng quy định đó, bảo đảm đúng pháp luật. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc phát hiện quy định có lợi khác ngoài Danh mục thì tập hợp, báo cáo Tòa án nhân dân tối cao (thông qua Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học) để chỉ đạo hướng dẫn kịp thời./.

(Danh mục một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao).

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
 - Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
 - Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
 - Ban Chỉ đạo CCTPTW;
 - Ban Nội chính Trung ương;
 - Văn phòng Chủ tịch nước;
 - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
 - Bộ Công an;
 - Bộ Tư pháp;
 - Các đ/c Phó Chánh án TANDTC
- (để phối hợp chỉ đạo việc thực hiện);
- Các TAND và TAQS;
 - Các Thẩm phán TANDTC và các đơn vị thuộc TANDTC;
 - Cổng thông tin điện tử TANDTC (để đăng tải);
 - Lưu: VT, Vụ PC&QLKH.

(để báo cáo);

(để phối hợp);

CHÁNH ÁN



Nguyễn Hòa Bình

DANH MỤC
CÁC QUY ĐỊNH CÓ LỢI CHO NGƯỜI PHẠM TỘI
TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015
(Ban hành kèm theo Công văn số /TANDTC-PC ngày tháng
năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao)

Stt	Nội dung quy định có lợi	Điều, khoản, điểm
1	Đồng phạm “4. Người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành”	Khoản 4 Điều 17
2	Che giấu tội phạm “2. Người che giấu tội phạm là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp che giấu các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 của Bộ luật này.”	Khoản 2 Điều 18
3	Không tố giác tội phạm “3. Người bào chữa không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp không tố giác tội phạm do chính người mà mình bào chữa đã thực hiện hoặc đã tham gia thực hiện mà người bào chữa biết được khi thực hiện nhiệm vụ bào chữa, trừ trường hợp không tố giác các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 của Bộ luật này.”	Khoản 3 Điều 19
4	Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội “1. Hành vi của người để bắt giữ người thực hiện hành vi phạm tội mà không còn cách nào khác là buộc phải sử dụng vũ lực cần thiết gây thiệt hại cho người bị bắt giữ thì không phải là tội phạm. 2. Trường hợp gây thiệt hại do sử dụng vũ lực rõ ràng vượt quá mức cần thiết, thì người gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm hình sự.”	Điều 24
5	Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ “Hành vi gây ra thiệt hại trong khi thực hiện việc nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công	Điều 25

	<p>nghệ mới mặc dù đã tuân thủ đúng quy trình, quy phạm, áp dụng đầy đủ biện pháp phòng ngừa thì không phải là tội phạm.</p> <p>Người nào không áp dụng đúng quy trình, quy phạm, không áp dụng đầy đủ biện pháp phòng ngừa mà gây thiệt hại thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.”</p>	
6	<p>Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên</p> <p>“Người thực hiện hành vi gây thiệt hại trong khi thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên trong lực lượng vũ trang nhân dân để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh nếu đã thực hiện đầy đủ quy trình báo cáo người ra mệnh lệnh nhưng người ra mệnh lệnh vẫn yêu cầu chấp hành mệnh lệnh đó, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự. Trong trường hợp này người ra mệnh lệnh phải chịu trách nhiệm hình sự.</p> <p>Quy định này không áp dụng đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 421, khoản 2 Điều 422 và khoản 2 Điều 423 của Bộ luật này.”</p>	Điều 26
7	<p>Căn cứ miễn trách nhiệm hình sự</p> <p>“2. Người phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự khi có một trong các căn cứ sau đây:</p> <p>a) Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa;</p> <p>b) Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử, người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nữa;...</p> <p>3. Người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác và được người bị hại hoặc người đại diện của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự.”</p>	Các điểm a, b khoản 2 và khoản 3 Điều 29
8	<p>Phạt tiền</p> <p>“1. Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật này quy định;</p> <p>b) Người phạm tội rất nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường, trật tự công cộng, an toàn công cộng và một số tội phạm khác do Bộ luật này quy định.”</p>	Khoản 1 Điều 35

9	<p>Cải tạo không giam giữ</p> <p>“3... Không khấu trừ thu nhập đối với người chấp hành án là người đang thực hiện nghĩa vụ quân sự.</p> <p>4. Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.</p> <p>Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.</p> <p>Không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 06 tháng tuổi, người già yếu, người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng.</p> <p>Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.”</p>	Khoản 3 và khoản 4 Điều 36
10	<p>Tù có thời hạn</p> <p>“2. Không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng do vô ý và có nơi cư trú rõ ràng.”</p>	Khoản 2 Điều 38
11	<p>Tử hình</p> <p>“2. Không áp dụng hình phạt tử hình đối với... <i>người đủ 75 tuổi trở lên</i> khi phạm tội hoặc khi xét xử.</p> <p>3. Không thi hành án tử hình đối với người bị kết án nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>...b) <i>Người đủ 75 tuổi trở lên</i>;</p> <p>c) Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn”.</p>	Khoản 2 và các điểm b, c khoản 3 Điều 40
12	<p>Căn cứ quyết định hình phạt</p> <p>“2. Khi quyết định áp dụng hình phạt tiền, ngoài căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án căn cứ vào tình hình tài sản, khả năng thi hành của người phạm tội.”</p>	Khoản 2 Điều 50
13	<p>Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự</p> <p>“1...</p> <p>d) Phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội;</p>	Các điểm đ, o, p và x khoản 1

	<p>o) Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên;</p> <p>p) Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng;</p> <p>x) Người phạm tội là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ, người có công với cách mạng.”</p>	Điều 51
14	<p>Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự</p> <p>1. Chỉ các tình tiết sau đây mới là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:</p> <p>a) Phạm tội có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội;</p> <p>d) Phạm tội có tính chất côn đồ;</p> <p>đ) Phạm tội vì động cơ đê hèn;</p> <p>e) Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng;</p> <p>g) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>h) Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm;</p> <p>i) Xâm phạm tài sản của Nhà nước;</p> <p>k) Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>i) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai, người đủ 70 tuổi trở lên;</p> <p>k) Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác;</p> <p>l) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội;</p> <p>m) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, tàn ác để phạm tội;</p> <p>n) Dùng thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội-;</p> <p>o) Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội;</p> <p>p) Có hành động xảo quyệt hoặc hung hãn nhằm trốn tránh hoặc che giấu tội phạm.</p>	Khoản 1 Điều 52
15	<p>Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng</p> <p>“2. Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp</p>	Khoản 2 Điều 54

	nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật đối với người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể.”	
16	<p>Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt</p> <p>“2. Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, <i>hình phạt được quyết định trong phạm vi khung hình phạt được quy định trong các điều luật cụ thể</i></p> <p>3. Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì áp dụng hình <i>phạt tù không quá 20 năm</i>; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.”</p>	Khoản 2 và khoản 3 Điều 57
17	<p>Thời hiệu thi hành bản án</p> <p>“2. Thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với người bị kết án được quy định như sau:</p> <p>...d) 20 năm đối với các trường hợp xử phạt tù chung thân hoặc tử hình.”</p>	Điểm d khoản 2 Điều 60
18	<p>Miễn chấp hành hình phạt</p> <p>“2. Người bị kết án cải tạo không giam giữ hoặc tù có thời hạn đến 03 năm chưa chấp hành hình phạt thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành hình phạt, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>...c) Chấp hành tốt pháp luật, có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn và xét thấy người đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.</p> <p>...5. Người bị kết án phạt tiền đã tích cực chấp hành được một phần hình phạt nhưng bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra mà không thể tiếp tục chấp hành được phần hình phạt còn lại hoặc lập công lớn, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành phần tiền phạt còn lại.”</p>	Điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 62
19	<p>Giảm mức hình phạt đã tuyên</p> <p>“...3. Trường hợp người bị kết án về nhiều tội trong đó có tội bị kết án phạt tù chung thân thì Tòa án chỉ xét giảm lần đầu xuống 30 năm tù <i>sau khi đã chấp hành được 15 năm tù</i> và dù được giảm nhiều lần nhưng vẫn phải bảo đảm thời gian thực tế chấp hành là 25 năm.</p>	Khoản 3 và khoản 6 Điều 63

	<p>...6. Đối với người bị kết án tù hình được ân giảm hoặc người bị kết án tù hình thuộc trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 3 Điều 40 của Bộ luật này thì thời gian đã chấp hành hình phạt để được xét giảm lần đầu là 25 năm và dù được giảm nhiều lần nhưng vẫn phải bảo đảm thời hạn thực tế chấp hành hình phạt là 30 năm.”</p>	
20	<p>Tha tù trước thời hạn có điều kiện</p> <p>“1. Người đang chấp hành án phạt tù có thể được tha tù trước thời hạn khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Phạm tội lần đầu; b) Có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt; c) Đã được giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với người bị kết án về tội phạm nghiêm trọng trở lên; d) Có nơi cư trú rõ ràng; đ) Đã chấp hành xong hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, án phí và các nghĩa vụ bồi thường dân sự; e) Đã chấp hành được ít nhất là một phần hai mức thời hạn tù đối với hình phạt tù có thời hạn hoặc ít nhất 15 năm đối với tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn. <p>Trường hợp người phạm tội là thương binh, bệnh binh, thân nhân gia đình liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, người đủ 70 tuổi trở lên, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, thì thời gian đã chấp hành ít nhất là một phần ba hình phạt tù có thời hạn hoặc ít nhất 12 năm đối với tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn;</p> <p>e) Không thuộc một trong các trường hợp phạm tội quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Không áp dụng quy định của Điều này đối với người bị kết án thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Người bị kết án về tội xâm phạm an ninh quốc gia; tội khủng bố; tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh hoặc người bị kết án từ 10 năm tù trở lên đối với tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm của con người; 07 năm tù trở lên đối với các tội cướp tài sản, bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản và sản xuất trái phép, mua bán trái phép, chiếm đoạt chất ma túy; b) Người bị kết án tù hình được ân giảm hoặc thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật này. <p>3. Theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Tòa án quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối</p>	Điều 66

	<p>với người bị kết án. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách. Thời gian thử thách bằng thời gian còn lại của hình phạt tù.</p> <p>4. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính 02 lần trở lên trong thời gian thử thách, thì Tòa án có thể hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người đó và buộc họ phải chấp hành phần hình phạt tù còn lại chưa chấp hành.</p> <p>Nếu người đó thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án buộc người đó chấp hành hình phạt của bản án mới và tổng hợp với phần hình phạt tù chưa chấp hành của bản án trước theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.</p> <p>5. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đã chấp hành được ít nhất là một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách.”</p>	
21	<p>Xoá án tích</p> <p>“2. Người bị kết án do lỗi vô ý về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và người được miễn hình phạt không bị coi là có án tích.”</p>	Khoản 2 Điều 69
22	<p>Đương nhiên được xoá án tích</p> <p>“2. Người bị kết án đương nhiên được xoá án tích, nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây:</p> <p>...b) 02 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm;</p> <p>c) 03 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;</p> <p>d) 05 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 15 năm, tù chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án.</p> <p>Trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt bổ sung là quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân mà thời hạn phải chấp hành dài hơn thời hạn quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì thời hạn đương nhiên được xoá án tích sẽ hết vào thời điểm người đó chấp hành xong hình phạt bổ sung.</p> <p>3. Người bị kết án đương nhiên được xoá án tích, nếu từ khi</p>	Các điểm b, c và d khoản 2 và khoản 3 Điều 70

	hết thời hiệu thi hành bản án, người đó không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này.”	
23	<p>Xoá án tích theo quyết định của Tòa án</p> <p>“2. Người bị kết án được Tòa án quyết định xoá án tích, nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc thời gian thử thách án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây:</p> <p>a) 03 năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 05 năm;</p> <p>b) 05 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;</p> <p>c) 07 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 15 năm, tù chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án.</p> <p>Trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt bổ sung là quản chế, cấm cư trú, tước một số quyền công dân mà thời hạn phải chấp hành dài hơn thời hạn quy định tại điểm a khoản này thì thời hạn được xoá án tích sẽ hết vào thời điểm người đó chấp hành xong hình phạt bổ sung.</p> <p>3. Người bị kết án được Tòa án quyết định xoá án tích, nếu từ khi hết thời hiệu thi hành bản án, người đó không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này.”</p>	Khoản 2 và khoản 3 Điều 71
24	<p>Cách tính thời hạn để xoá án tích</p> <p>“2. Người bị kết án chưa được xoá án tích mà thực hiện hành vi phạm tội mới và bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật thì thời hạn để xoá án tích cũ được tính lại kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính hoặc thời gian thử thách án treo của bản án mới hoặc từ ngày bản án mới hết thời hiệu thi hành.”</p>	Khoản 2 Điều 73
25	<p>Nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội</p> <p>“1. Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.</p> <p>2. Người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 của Bộ luật này, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng các biện pháp quy định tại Mục 2 Chương này:</p>	Khoản 1, các điểm b, c khoản 2, khoản 4 và khoản 6 Điều 91

	<p>...b) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật này, trừ trường hợp quy định tại Điều 123 (tội giết người); Điều 134, các khoản 4, 5 và khoản 6 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác); Điều 141 (tội hiếp dâm), Điều 142 (tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi); Điều 144 (tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi); Điều 150 (tội mua bán người); Điều 151 (tội mua bán người dưới 16 tuổi); Điều 168 (tội cướp tài sản); Điều 171 (tội cướp giật tài sản); Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy); Điều 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy); Điều 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy); Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy); Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy) của Bộ luật này;</p> <p>c) Người dưới 18 tuổi là người đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể trong vụ án.</p> <p>...4. Khi xét xử, Tòa án <i>chỉ áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu xét thấy việc miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng một trong các biện pháp quy định tại Mục 2 hoặc việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng</i> quy định tại Mục 3 Chương này không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa.</p> <p>...6. <i>Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa.</i></p> <p>Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng <i>và với thời hạn thích hợp ngắn nhất.</i>"</p>	
26	<p>Điều kiện áp dụng (các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự)</p> <p>"Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án chỉ quyết định miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp khiển trách, hòa giải tại cộng đồng hoặc biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, nếu người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc người đại diện hợp pháp của họ đồng ý với việc áp dụng một trong các biện pháp này."</p>	Điều 92
27	<p>Khiển trách</p> <p>"1. Khiển trách được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong những trường hợp sau đây nhằm giúp họ nhận thức rõ hành vi phạm tội và hậu quả gây ra đối với cộng đồng, xã hội và nghĩa vụ của họ:</p> <p>a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng;</p>	Điều 93

	<p>b) Người dưới 18 tuổi là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án.</p> <p>2. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án quyết định áp dụng biện pháp khiển trách. Việc khiển trách đối với người dưới 18 tuổi phạm tội phải có sự chứng kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của người dưới 18 tuổi.</p> <p>3. Người bị khiển trách phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc;</p> <p>b) Trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu;</p> <p>c) Tham gia các chương trình học tập, dạy nghề do địa phương tổ chức, tham gia lao động với hình thức phù hợp.</p> <p>4. Tùy từng trường hợp cụ thể cơ quan có thẩm quyền ấn định thời gian thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều này từ 03 tháng đến 01 năm.”</p>	
28	<p>Hoà giải tại cộng đồng</p> <p>“1. Hoà giải tại cộng đồng được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong những trường hợp sau đây:</p> <p>a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng;</p> <p>b) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 91 của Bộ luật này.</p> <p>2. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc hòa giải tại cộng đồng khi người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại đã tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự.</p> <p>3. Người được áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Xin lỗi người bị hại và bồi thường thiệt hại;</p> <p>b) Nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều 93 của Bộ luật này.”</p>	Điều 94
29	<p>Giáo dục tại xã, phường, thị trấn</p> <p>“1. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án có thể áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ 01 năm đến 02 năm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong những trường hợp sau đây:</p> <p>a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng quy định tại điểm a khoản 2</p>	Điều 95

	<p>Điều 91 của Bộ luật này;</p> <p>b) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 91 của Bộ luật này.</p> <p>2. Người được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức giám sát, giáo dục phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Chấp hành đầy đủ nghĩa vụ về học tập, lao động;</p> <p>b) Chịu sự giám sát, giáo dục của gia đình, xã, phường, thị trấn;</p> <p>c) Không đi khỏi nơi cư trú khi không được phép;</p> <p>d) Các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 93 của Bộ luật này.</p> <p>3. Nếu người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã chấp hành một phần hai thời hạn, có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao trách nhiệm quản lý, giáo dục, cơ quan đã áp dụng biện pháp này có thể quyết định chấm dứt thời hạn giáo dục tại xã, phường, thị trấn."</p>	
30	<p>Cải tạo không giam giữ</p> <p>"1. Hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng đối với người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng hoặc phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý hoặc người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý."</p>	Khoản 1 Điều 100
31	<p>Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt</p> <p>"2. Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội <i>không quá một phần ba mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt</i> đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng.</p> <p>Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội <i>không quá một phần hai mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt</i> đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng.</p> <p>3. Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt <i>không quá một phần ba mức hình phạt cao nhất</i> quy định tại Điều 100 và Điều 101 của Bộ luật này.</p> <p>Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi <i>không quá một phần hai mức phạt</i> quy định tại các điều 99, 100 và 101 của Bộ luật này."</p>	Khoản 2 và khoản 3 Điều 102

32	<p>Tha tù trước hạn có điều kiện</p> <p>“1. Người dưới 18 tuổi đang chấp hành án phạt tù, nếu không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 66 Bộ luật này có thể được tha tù trước hạn khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Phạm tội lần đầu;</p> <p>b) Có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt;</p> <p>c) Đã chấp hành được một phần ba thời hạn phạt tù;</p> <p>d) Có nơi cư trú rõ ràng.</p> <p>2. Việc tha tù trước thời hạn có điều kiện được thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 66 của Bộ luật này.”</p>	Điều 106
33	<p>Xoá án tích</p> <p>“1. Người dưới 18 tuổi bị kết án được coi là không có án tích, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi;</p> <p>b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý;</p> <p>c) Người bị áp dụng biện pháp tư pháp quy định tại Mục 3 Chương này.</p> <p>2. Người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng thì đương nhiên xoá án tích nếu trong thời hạn 03 năm tính từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà người đó không thực hiện hành vi phạm tội mới.”</p>	Điều 107
34	<p>Tội phản bội Tổ quốc</p> <p>“3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”</p>	Khoản 3 Điều 108
35	<p>Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân</p> <p>“3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”</p>	Khoản 3 Điều 109
36	<p>Tội gián điệp</p> <p>“3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”</p>	Khoản 3 Điều 110
37	<p>Tội xâm phạm an ninh lãnh thổ</p> <p>“3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm</p>	Khoản 3 Điều 111

	đến 05 năm.”	
38	Tội bạo loạn “3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”	Khoản 3 Điều 112
39	Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân “5. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”	Khoản 5 Điều 113
40	Tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam “3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”	Khoản 3 Điều 114
41	Tội phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội “1. Người nào nhằm chống chính quyền nhân dân mà phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm. ...3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”	Khoản 1 và khoản 3 Điều 115
42	Tội phá hoại chính sách đoàn kết “3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”	Khoản 3 Điều 116
43	Tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam “3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”	Khoản 3 Điều 117
44	Tội phá rối an ninh “3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”	Khoản 3 Điều 118
45	Tội chống phá cơ sở giam giữ “3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”	Khoản 3 Điều 119
46	Tội tổ chức, cưỡng ép, xúi giục người khác trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân “3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm	Khoản 3 Điều 120

	đến 05 năm.”	
47	<p>Tội trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân</p> <p>“2. Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm</p> <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”</p>	Khoản 2 và khoản 3 Điều 121
48	<p>Tội giết người</p> <p>“3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”</p>	Khoản 3 Điều 123
49	<p>Tội vô ý làm chết người</p> <p>“1. Người nào vô ý làm chết người, thì bị <i>phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc</i> phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”</p>	Khoản 1 Điều 128
50	<p>Tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính</p> <p>“1. Người nào vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”</p>	Khoản 1 Điều 129
51	<p>Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát</p> <p>“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị <i>phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc</i> phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác tự tước đoạt tính mạng của họ;</p> <p>b) Tạo điều kiện vật chất hoặc tinh thần cho người khác tự tước đoạt tính mạng của họ.”</p>	Khoản 1 Điều 131
52	<p>“2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.”</p> <p>“7. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị <i>phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc</i> phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.”</p>	Khoản 2 và khoản 7 Điều 134
53	<p>Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động</p>	Điều 135

	<p>mạnh</p> <p>“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đối với 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người.”</p>	
54	<p>Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội</p> <p>“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Đối với 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.”</p>	Khoản 1 và khoản 2 Điều 136
55	<p>Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác</p> <p>“1. Người nào vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.”</p> <p>(Bỏ hình phạt bổ sung “cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”).</p>	Khoản 1 Điều 138
56	<p>Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy</p>	Khoản 1 Điều 139

	tắc hành chính “1. Người nào vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, <i>thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.</i> ”	
57	Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi “1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì <i>bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</i> ...b) Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi.”	Điểm b khoản 1 Điều 142
58	Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi “2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì <i>bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</i> ...đ) Phạm tội 02 lần trở lên; e) Đối với 02 người trở lên”	Điểm đ, e khoản 2 Điều 144
59	Tội lây truyền HIV cho người khác “1. Người nào biết mình bị nhiễm HIV mà cố ý lây truyền HIV cho người khác, <i>trừ trường hợp nạn nhân đã biết về tình trạng nhiễm HIV của người bị HIV và tự nguyện quan hệ tình dục</i> , thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.”	Khoản 1 Điều 148
60	Tội cố ý truyền HIV cho người khác “1. Người nào cố ý truyền HIV cho người khác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 148 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì <i>bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</i> a) Có tổ chức; b) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân; c) Đối với người dưới 18 tuổi; d) Đối với từ 02 người đến 05 người; đ) Lợi dụng nghề nghiệp; e) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân từ 11% đến 45%.”	Khoản 1 và khoản 2 Điều 149
61	Tội mua bán người “2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị	Khoản 2 Điều 150

	<p>phạt tù từ 08 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Vi động cơ dâm dục;</p> <p>c) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân từ 11% đến 45%;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 31% trở lên, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;</p> <p>đ) Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>e) Đối với từ 02 đến 05 người;</p> <p>g) Phạm tội 02 lần trở lên.”</p>	
62	<p>Tội đánh tráo người dưới 01 tuổi</p> <p>“1. Người nào đánh tráo người dưới 01 tuổi này với người dưới 01 tuổi khác, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp;</p> <p>c) Đối với người dưới 01 tuổi mà mình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng;</p> <p>d) Phạm tội 02 lần trở lên.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>b) Tái phạm nguy hiểm.”</p>	Khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 152
63	<p>Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi</p> <p>“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác chiếm giữ hoặc giao cho người khác chiếm giữ người dưới 16 tuổi, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp;</p> <p>c) Đối với người mà mình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng;</p>	Khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 153

	<p>d) Đối với từ 02 người đến 05 người;</p> <p>đ) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>e) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân từ 11% đến 45%;</p> <p>g) Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 31% trở lên.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>b) Đối với 06 người trở lên;</p> <p>c) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân 46% trở lên;</p> <p>d) Làm nạn nhân chết;</p> <p>đ) Tái phạm nguy hiểm.”</p>	
64	<p>Tội làm nhục người khác</p> <p>“1. Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Đối với người đang thi hành công vụ;</p> <p>đ) Đối với người dạy dỗ, nuôi dưỡng, chăm sóc, chữa bệnh cho mình;</p> <p>e) Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội;</p> <p>g) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân từ 11% đến 45%.”</p>	Khoản 1, khoản 2 Điều 155
65	<p>Tội vu khống</p> <p>“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:</p> <p>a) Bịa đặt hoặc loan truyền những điều biết rõ là sai sự thật nhằm xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự hoặc gây</p>	Khoản 1, khoản 2 Điều 156

	<p>thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác;</p> <p>b) Bịa đặt người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, người dạy dỗ, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh cho mình;</p> <p>đ) Đối với người đang thi hành công vụ;</p> <p>e) Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội;</p> <p>g) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân từ 11% đến 45%;</p> <p>h) Vu khống người khác phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.”</p>	
66	<p>Tội làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân</p> <p>“1. Người nào có trách nhiệm trong việc tổ chức, giám sát việc bầu cử, tổ chức trưng cầu ý dân mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.”</p>	Khoản 1 Điều 161
67	<p>Tội xâm phạm quyền bình đẳng giới</p> <p>“1. Người nào vì lý do giới mà thực hiện hành vi dưới bất kỳ hình thức nào cản trở người khác tham gia hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, <i>đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm</i>, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Đối với 02 người trở lên.”</p>	Khoản 1, khoản 2 Điều 165

68	<p>Tội cướp tài sản</p> <p>“4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì <i>bị phạt tù từ 18 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân</i>:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên;</p> <p>c) Làm chết người;</p> <p>d) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.”</p>	Khoản 4 Điều 168
69	<p>Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản</p> <p>“5. <i>Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</i>”</p>	Khoản 5 Điều 169
70	<p>Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản</p> <p>“1. Người nào công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị <i>phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm</i>:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;</p> <p>b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 173, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;</p> <p>d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại.</p> <p>...4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Công nhiên chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này.</p> <p>c) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.”</p>	Khoản 1 và khoản 4 Điều 172
71	<p>Tội trộm cắp tài sản</p> <p>“4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì <i>bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm</i>:</p>	Khoản 4 Điều 173

	<p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Trộm cắp tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này;</p> <p>c) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.”</p>	
72	<p>Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản</p> <p>“3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>4. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.”</p>	Khoản 3, khoản 4 Điều 175
73	<p>Tội chiếm giữ trái phép tài sản</p> <p>“1. Người nào cố tình không trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc không giao nộp cho cơ quan có trách nhiệm tài sản trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, di vật, cổ vật hoặc vật có giá trị lịch sử, văn hoá bị giao nhầm hoặc do mình tìm được, bắt được, sau khi chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc cơ quan có trách nhiệm yêu cầu được nhận lại tài sản đó theo quy định của pháp luật, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.”</p>	Khoản 1 Điều 176
74	<p>Tội sử dụng trái phép tài sản</p> <p>“1. Người nào vì vụ lợi mà sử dụng trái phép tài sản của người khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là di vật, cổ vật hoặc vật có giá trị lịch sử, văn hoá nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 220 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;</p> <p>b) Tài sản là bảo vật quốc gia;</p>	Khoản 1 và khoản 2 Điều 177

	<p>c) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>đ) Tái phạm nguy hiểm.”</p>	
75	<p>Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản</p> <p>“1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, tài sản là di vật, cổ hoặc vật có giá trị lịch sử, văn hoá hoặc tài sản trị giá dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;</p> <p>b) Đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;</p> <p>d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại.</p> <p>...3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Gây thiệt hại cho tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại cho tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Gây thiệt hại cho tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại cho tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này.”</p>	<p>Khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 178</p>
76	<p>Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp</p> <p>“1. Người nào có nhiệm vụ trực tiếp trong công tác quản lý tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, vì thiếu trách nhiệm mà để mất mát, hư hỏng, lãng phí gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt cảnh cáo hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p>	<p>Khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 179</p>

	<p>2. Phạm tội gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trị giá từ 2.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.”</p>	
77	<p>Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản</p> <p>“1. Người nào vô ý gây thiệt hại cho tài sản của người khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt cảnh cáo hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội gây thiệt hại cho tài sản của người khác trị giá 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.”</p>	Khoản 1 và khoản 2 Điều 180
78	<p>Bãi bỏ tội tảo hôn (Điều 148 BLHS năm 1999)</p>	
79	<p>Tội tổ chức tảo hôn</p> <p>“Người nào tổ chức việc lấy vợ, lấy chồng cho những người chưa đến tuổi kết hôn, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.”</p>	Điều 183
80	<p>Bãi bỏ tội đăng ký kết hôn trái pháp luật (Điều 149 BLHS năm 1999)</p>	
81	<p>Tội buôn lậu</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có tổ chức; b) Có tính chất chuyên nghiệp; c) Vật phạm pháp trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; d) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; đ) Vật phạm pháp là bảo vật quốc gia; e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; g) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức; h) Phạm tội 02 lần trở lên; 	Khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 188

	<p>i) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 7 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Vật phạm pháp trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Vật phạm pháp trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Lợi dụng chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh hoặc hoàn cảnh đặc biệt khó khăn khác.”</p>	
82	<p>Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Vật phạm pháp trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>c) Vật phạm pháp là bảo vật quốc gia;</p> <p>d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>đ) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>e) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội trong trường hợp hàng phạm pháp trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.”</p>	Khoản 2 và khoản 3 Điều 189
83	<p>Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p>	Khoản 2 Điều 190

	<p>d) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>đ) Hàng phạm pháp trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>e) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>g) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa và ngược lại;</p> <p>h) Tái phạm nguy hiểm.”</p>	
84	<p>Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>d) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>đ) Hàng phạm pháp trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>e) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>g) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa và ngược lại;</p> <p>h) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Hàng phạm pháp trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>c) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và h khoản 2 Điều này mà qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa và ngược lại.”</p>	Khoản 2 và khoản 3 Điều 191
85	<p>Tội sản xuất, buôn bán hàng giả</p> <p>1. Người nào sản xuất, buôn bán hàng giả thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Hàng giả trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng tính theo giá bán, giá niêm yết, giá ghi trong</p>	Khoản 1 Điều 192

	<p>hóa đơn;</p> <p>b) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng trong trường hợp không xác định được giá bán, giá niêm yết, giá ghi trong hóa đơn;</p> <p>c) Hàng giả trị giá dưới 20.000.000 đồng tính theo giá bán, giá niêm yết, giá ghi trong hóa đơn hoặc hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá dưới 30.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 189, 190, 191, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm.</p> <p>d) Hàng giả trị giá dưới 20.000.000 đồng tính theo giá bán, giá niêm yết, giá ghi trong hóa đơn hoặc hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá dưới 30.000.000 đồng nhưng gây hậu quả thuộc một trong các trường hợp: gây tổn hại cho sức khỏe của một người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60% hoặc gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p>	
86	<p>Bãi bỏ tội kinh doanh trái phép</p> <p>(Điều 159 BLHS năm 1999)</p>	
87	<p>Tội đầu cơ</p> <p>“1. Người nào lợi dụng tình hình khan hiếm hoặc tạo ra sự khan hiếm giả tạo trong tình hình thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh hoặc tình hình khó khăn về kinh tế mua vét hàng hóa thuộc danh mục mặt hàng bình ổn giá hoặc thuộc danh mục hàng hóa được Nhà nước định giá nhằm bán lại để thu lợi bất chính thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì <i>bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng</i> hoặc phạt tù từ 06 tháng <i>đến 03 năm</i>:</p> <p>a) Hàng hoá trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị <i>phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng</i> hoặc phạt tù từ 03 năm <i>đến 07 năm</i>:</p>	<p>Khoản 1, khoản 2 và Khoản 3 Điều 196</p>

	<p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>d) Hàng hóa trị giá từ 1.500.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;</p> <p>e) Thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Hàng hóa trị giá 3.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm.”</p>	
88	<p>Tội quảng cáo gian dối</p> <p>“1. Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa, dịch vụ, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.”</p>	Khoản 1 Điều 197
89	<p>Tội lừa dối khách hàng</p> <p>“1. Người nào trong việc mua, bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ mà cân, đo, đong, đếm, tính gian hàng hóa, dịch vụ hoặc dùng thủ đoạn gian dối khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Dùng thủ đoạn xảo quyệt;</p> <p>d) Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên.”</p>	Khoản 1 và khoản 2 Điều 198

90	<p>Tội vi phạm các quy định về cung ứng điện</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì <i>bị phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm</i>:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.”</p>	Khoản 2 Điều 199
91	<p>Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự</p> <p>“2. Phạm tội thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì <i>bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm</i>.”</p>	Khoản 2 Điều 201
92	<p>Tội làm, buôn bán tem giả, vé giả</p> <p>“1. Người nào làm, buôn bán các loại tem giả, vé giả thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, <i>phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm</i> hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Tem giả, vé giả không có mệnh giá có số lượng từ 15.000 đến dưới 30.000 đơn vị;</p> <p>b) Tem giả, vé giả có mệnh giá có tổng trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>c) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>d) Thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị <i>phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng</i> hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Tem giả, vé giả không có mệnh giá có số lượng 30.000 đơn vị trở lên;</p> <p>d) Tem giả, vé giả có mệnh giá có tổng trị giá 200.000.000 đồng trở lên;</p> <p>đ) Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên;</p>	Khoản 1 và khoản 2 Điều 202

	e) Tái phạm nguy hiểm.”	
93	<p>Tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Hóa đơn, chứng từ ở dạng phôi từ 100 số trở lên hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên;</p> <p>đ) Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên;</p> <p>e) Gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước 100.000.000 đồng trở lên;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.”</p>	Khoản 2 Điều 203
94	<p>Tội vi phạm quy định về bảo quản, quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước</p> <p>“1. Người nào có trách nhiệm bảo quản, quản lý hóa đơn, chứng từ mà vi phạm quy định của Nhà nước về bảo quản, quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước hoặc cho người khác từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại 500.000.000 đồng trở lên.”</p>	Khoản 1 và khoản 2 Điều 204
95	<p>Chuyển hóa Tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng(Điều 165 BLHS năm 1999) thành các tội phạm cụ thể, nên khi áp dụng cần nghiên cứu quy định tại Nghị quyết số 109/2015/Qh13 ngày 27-11-2015 về việc thi hành Bộ luật hình sự.</p>	
96	<p>Tội lập quỹ trái phép</p> <p>“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn lập quỹ trái quy định của pháp luật và đã sử dụng quỹ đó gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước từ 50.000.000 đồng đến dưới</p>	Khoản 1, khoản 2 và khoản 3

	<p>200.000.000 đồng hoặc đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Dùng thủ đoạn xảo quyệt để trốn tránh việc kiểm soát;</p> <p>b) Để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật khác;</p> <p>c) Gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước từ 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.”</p>	Điều 205
97	<p>Bãi bỏ Tội báo cáo sai trong quản lý kinh tế (Điều 167 BLHS năm 1999)</p>	
98	<p>Bãi bỏ Tội vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp Điều 170 BLHS năm 1999)</p>	
99	<p>Bãi bỏ tội sử dụng trái phép quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (Điều 178 BLHS năm 1999)</p>	
100	<p>Tội vi phạm quy định trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</p> <p>“1. Người nào trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà cố ý thực hiện một trong các hành vi sau đây gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Cấp tín dụng cho những trường hợp không được cấp tín dụng trừ trường hợp cấp dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng;</p> <p>b) Cấp tín dụng không có bảo đảm hoặc cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho những đối tượng không được cấp tín dụng theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Vi phạm các hạn chế để bảo đảm an toàn cho hoạt động tín dụng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng hoặc cố ý nâng khống giá trị tài sản bảo đảm khi thẩm định giá để cấp tín</p>	Khoản 1 Điều 206

	<p>dụng;</p> <p>d) Vi phạm quy định của pháp luật về tổng mức dư nợ tín dụng đối với các đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng;</p> <p>đ) Cấp tín dụng vượt giới hạn so với vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan, trừ trường hợp có chấp thuận của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</p> <p>e) Vi phạm quy định của pháp luật về góp vốn, giới hạn góp vốn, mua cổ phần, ký kết hợp đồng cho thuê tài chính hoặc mua bán tài sản;</p> <p>g) Phát hành, cung ứng, sử dụng các phương tiện thanh toán không hợp pháp; làm giả chứng từ thanh toán, phương tiện thanh toán; sử dụng chứng từ thanh toán, phương tiện thanh toán giả; tiến hành hoạt động nghiệp vụ tín dụng khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.”</p>	
101	<p>Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả</p> <p>“4. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.”</p>	Khoản 4 Điều 207
102	<p>Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác</p> <p>“2. Phạm tội trong trường hợp công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác có trị giá tương ứng từ 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p> <p>3. Phạm tội trong trường hợp công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác có trị giá tương ứng từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.”</p>	Khoản 2 và khoản 3 Điều 208
103	<p>Tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán</p> <p>“1. Người nào cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chào bán, niêm yết, giao dịch, hoạt động kinh doanh chứng khoán, tổ chức thị trường, đăng ký, lưu ký, bù trừ hoặc thanh toán chứng khoán thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Gây thiệt hại cho nhà đầu tư từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới</p>	Khoản 1 và khoản 2 Điều 209

	<p>1.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại cho nhà đầu tư 3.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Tái phạm nguy hiểm.”</p>	
104	<p>Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại cho nhà đầu tư 1.500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Tái phạm nguy hiểm.”</p>	Khoản 2 Điều 210
105	<p>Tội thao túng thị trường chứng khoán</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 1.500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại cho nhà đầu tư 3.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Tái phạm nguy hiểm.”</p>	Khoản 2 Điều 211
106	<p>Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Thu lợi bất chính 300.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Gây thiệt hại cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan 500.000.000 đồng trở lên;</p>	Khoản 2 Điều 225

	đ) Hàng hóa vi phạm trị giá 500.000.000 đồng trở lên.”	
107	<p>Tội vi phạm các quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Thu lợi bất chính từ nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên nước, dầu khí hoặc loại khoáng sản khác 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Khoáng sản trị giá 1.000.000.000 trở lên;</p> <p>c) Có tổ chức;</p> <p>d) Gây sự cố môi trường;</p> <p>đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 04 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên;</p> <p>e) Làm chết người.”</p>	Khoản 2 Điều 227
108	<p>Tội cố ý làm trái quy định về phân phối tiền, hàng cứu trợ</p> <p>“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố ý làm trái những quy định về phân phối tiền, hàng cứu trợ gây thiệt hại hoặc thất thoát tiền, hàng cứu trợ từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại hoặc thất thoát tiền, hàng cứu trợ 300.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Gây ảnh hưởng xấu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội.”</p>	Khoản 1 và khoản 2 Điều 231
109	<p>Tội vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Khai thác trái phép rừng sản xuất với khối lượng từ 40</p>	Khoản 2 Điều 232

	<p>mét khối (m³) đến dưới 80 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường; từ 25 mét khối (m³) đến dưới 50 mét khối (m³) gỗ loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>b) Khai thác trái phép rừng phòng hộ với khối lượng từ 30 mét khối (m³) đến dưới 60 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường; từ 20 mét khối (m³) đến dưới 40 mét khối (m³) gỗ loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>c) Khai thác trái phép rừng đặc dụng với khối lượng từ 30 mét khối (m³) đến dưới 60 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường; từ 10 mét khối (m³) đến dưới 20 mét khối (m³) gỗ loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;</p> <p>d) Khai thác trái phép thực vật rừng ngoài gỗ trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 400.000.000 đồng;</p> <p>đ) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép từ 03 mét khối (m³) đến dưới 06 mét khối (m³) đối với gỗ loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài của loài thực vật thuộc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp hoặc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; từ 20 mét khối (m³) đến dưới 40 mét khối (m³) gỗ loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài của loài thực vật thuộc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp; từ 40 mét khối (m³) đến dưới 80 mét khối (m³) gỗ của loài thực vật thông thường;</p> <p>e) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái pháp luật các loài thực vật hoang dã khác trị giá từ 600.000.000 đồng đến dưới 1.200.000.000 đồng;</p> <p>g) Phạm tội qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại;</p> <p>h) Phạm tội có tổ chức;</p> <p>i) Tái phạm nguy hiểm.”</p>	
110	<p>Tội gây ô nhiễm môi trường</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải nguy hại hoặc chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trái quy định của pháp luật 5.000 kilôgam trở lên;</p> <p>b) Xả thải ra môi trường 10.000 mét khối (m³)/ngày trở lên nước thải có các thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn</p>	Khoản 2 Điều 235

	<p>kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên;</p> <p>c) Xả nước thải ra môi trường có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật 04 lần trở lên;</p> <p>d) Xả ra môi trường 10.000 mét khối (m³)/ngày nước thải trở lên có độ PH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14;</p> <p>đ) Thải ra môi trường 500.000 mét khối (m³)/giờ trở lên bụi, khí thải vượt quá quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên;</p> <p>e) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải rắn thông thường trái quy định của pháp luật 500.000 kilôgam trở lên;</p> <p>g) Chất thải có chứa chất phóng xạ, gây nhiễm xạ môi trường thuộc nguồn phóng xạ loại có mức độ nguy hiểm trên trung bình theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bức xạ - phân nhóm và phân loại nguồn phóng xạ vượt quy chuẩn cho phép;</p> <p>h) Phát tán ra môi trường bức xạ, phóng xạ vượt quá quy chuẩn kỹ thuật hoặc vượt mức giới hạn theo quy định 04 lần trở lên.”</p>	
111	<p>Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại</p> <p>“1. Người nào có thẩm quyền mà cho phép chôn, lấp, đổ, thải trái quy định của pháp luật chất thải nguy hại thuộc danh mục các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy từ 3.000 kilôgam đến dưới 5.000 kilôgam; chất thải có chứa chất phóng xạ, gây nhiễm xạ môi trường thuộc nguồn phóng xạ loại có mức độ nguy hiểm dưới trung bình theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bức xạ - phân nhóm và phân loại nguồn phóng xạ vượt quy chuẩn cho phép, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Chất thải nguy hại thuộc danh mục các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy từ 5.000 kilôgam đến dưới 10.000 kilôgam; chất thải có chứa chất phóng xạ, gây nhiễm xạ môi trường thuộc nguồn phóng xạ loại có mức độ nguy hiểm trung bình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bức xạ - phân nhóm và phân loại nguồn phóng xạ vượt quy chuẩn cho phép;</p>	<p>Khoản 1 và khoản 2 Điều 236</p>

	<p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>d) Tái phạm nguy hiểm.”</p>	
112	<p>Tội vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thiệt hại từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 7.000.000.000 đồng.</p> <p>...4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”</p>	Khoản 2 và khoản 4 Điều 237
113	<p>Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Chất thải nguy hại hoặc chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm có khối lượng từ 3.000 kilôgam đến dưới 5.000 kilôgam;</p> <p>c) Chất thải khác có khối lượng từ 170.000 kilôgam đến dưới 300.000 kilôgam.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”</p>	Khoản 2 và khoản 4 Điều 239
114	<p>Tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người</p> <p>“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Đưa ra hoặc cho phép đưa ra khỏi vùng có dịch bệnh động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật hoặc vật phẩm khác có khả năng lây truyền dịch bệnh nguy hiểm cho người, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;</p> <p>b) Đưa vào hoặc cho phép đưa vào lãnh thổ Việt Nam động</p>	Khoản 1 và khoản 2 Điều 240

	<p>vật, thực vật hoặc sản phẩm động vật, thực vật bị nhiễm bệnh hoặc mang mầm bệnh nguy hiểm có khả năng lây truyền cho người;</p> <p>c) Hành vi khác làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Dẫn đến phải công bố dịch thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Bộ trưởng Bộ Y tế;</p> <p>b) Làm chết người.”</p>	
115	<p>Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Dẫn đến phải công bố dịch thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”</p>	Khoản 2 Điều 241
116	<p>Tội huỷ hoại rừng</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm;</p> <p>d) Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc kiểu trạng thái rừng có diện tích từ 50.000 mét vuông (m^2) đến dưới 100.000 mét vuông (m^2);</p> <p>đ) Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m^2) đến dưới 50.000 mét vuông (m^2);</p> <p>e) Rừng phòng hộ có diện tích từ 7.000 mét vuông (m^2) đến dưới 10.000 mét vuông (m^2);</p> <p>g) Rừng đặc dụng có diện tích từ 3.000 mét vuông (m^2) đến dưới 5.000 mét vuông (m^2);</p> <p>h) Gây thiệt hại về lâm sản trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên; từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng đối với rừng sản xuất là rừng trồng, rừng khoanh nuôi tái sinh trong trường</p>	Khoản 2 Điều 243

	<p>hợp rừng bị thiệt hại không tính được bằng diện tích rừng bị đốt, bị phá hoặc có hành vi khác huỷ hoại rừng không tập trung mà phân tán, rải rác trong cùng một tiểu khu hoặc nhiều tiểu khu;</p> <p>i) Thực vật thuộc loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loại thực vật khác thuộc Nhóm IA trị giá từ trên 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; thực vật thuộc Nhóm IIA trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.”</p>	
117	<p>Tội vi phạm các quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên</p> <p>“1. Người nào vi phạm các quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại đến cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn thiên nhiên có tổng diện tích từ 300 mét vuông (m²) đến dưới 500 mét vuông (m²);</p> <p>c) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong những hành vi này mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm.”</p>	Khoản 1 Điều 245
118	<p>Tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Nhập khẩu trái phép loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại hoặc loài động vật, thực vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại trong trường hợp vật phạm pháp trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Phát tán loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại hoặc loài động vật, thực vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại, gây thiệt hại về tài sản 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Tái phạm nguy hiểm.”</p>	Khoản 2 Điều 246
119	<p>Tội tàng trữ trái phép chất ma túy</p> <p>“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất</p>	Khoản 1, khoản 2, khoản 3

<p>ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;</p> <p>c) Hêrôin, côcain... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;</p> <p>d) Lá,..., hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;</p> <p>e) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam;</p> <p>h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililit đến dưới 100 mililit;</p> <p>i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>đ) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;</p> <p>e) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;</p> <p>g) Hêrôin, côcain,... có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;</p> <p>h) Lá,..., hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;</p> <p>i) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;</p> <p>k) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;</p> <p>l) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam</p>	<p>và khoản 4 Điều 249</p>
--	------------------------------------

<p>đến dưới 100 gam;</p> <p>m) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililit đến dưới 250 mililit;</p> <p>n) Tái phạm nguy hiểm;</p> <p>o) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản này.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;</p> <p>b) Hêrôin, côcain,... có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;</p> <p>c) Lá,..., hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;</p> <p>d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;</p> <p>e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililit đến dưới 750 mililit;</p> <p>h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên;</p> <p>b) Hêrôin, côcain,... có khối lượng 100 gam trở lên;</p> <p>c) Lá,... hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng 75 kilôgam trở lên;</p> <p>d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên;</p> <p>e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililit trở lên;</p>	
---	--

	h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.”	
120	<p>Tội chiếm đoạt chất ma túy</p> <p>“1. Người nào chiếm đoạt chất ma túy dưới bất cứ hình thức nào thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;</p> <p>c) Hêrôin, côcain,... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;</p> <p>d) Lá,..., hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;</p> <p>e) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam;</p> <p>h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililit đến dưới 100 mililit;</p> <p>i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.</p> <p>2. Phạm tội trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;</p> <p>đ) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;</p> <p>e) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;</p> <p>g) Hêrôin, côcain,... có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;</p> <p>h) Lá, ..., hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;</p>	Khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 252

	<p>i) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;</p> <p>k) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;</p> <p>l) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;</p> <p>m) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililit đến dưới 250 mililit;</p> <p>n) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản này;</p> <p>o) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 đến 15 năm:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao cô ca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam;</p> <p>b) Hêrôin, côcain,... có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;</p> <p>c) Lá, ..., hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng từ 25 kilôgam đến dưới 75 kilôgam;</p> <p>d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 200 kilôgam đến dưới 600 kilôgam;</p> <p>đ) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 150 kilôgam;</p> <p>e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 250 mililit đến dưới 750 mililit;</p> <p>h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 15 đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng 05 kilôgam trở lên;</p> <p>b) Hêrôin, côcain,... có khối lượng 100 gam trở lên;</p> <p>c) Lá, ..., hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có khối lượng 75 kilôgam trở lên;</p> <p>d) Quả thuốc phiện khô có khối lượng 600 kilôgam trở lên;</p>	
--	---	--

	<p>d) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng 150 kilôgam trở lên;</p> <p>e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên;</p> <p>g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích 750 mililit trở lên;</p> <p>h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.”</p>	
121	<p>Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy</p> <p>“1. Người nào sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <p><i>b) Có số lượng từ 06 đơn vị đến 19 đơn vị dụng cụ, phương tiện cùng loại hoặc khác loại.”</i></p>	<p>Điểm b khoản 1 Điều 254</p>
122	<p>Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy</p> <p>“4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của <i>mỗi người 61% trở lên</i>;</p> <p>b) Làm chết 02 người trở lên.”</p>	<p>Khoản 4 Điều 255</p>

123	<p>Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy</p> <p>“1. Người nào rủ rê, dụ dỗ, xúi giục hoặc bằng các thủ đoạn khác nhằm lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có tổ chức; b) Phạm tội 02 lần trở lên; c) Vi động cơ dè hèn hoặc vì tư lợi; d) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi; đ) Đối với phụ nữ mà biết là có thai; e) Đối với 02 người trở lên; g) Đối với người đang cai nghiện; h) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; i) Gây bệnh nguy hiểm cho người khác; k) Tái phạm nguy hiểm. <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây chết người; b) Gây bệnh nguy hiểm cho 02 người trở lên; c) Đối với người dưới 13 tuổi. <p>4. Phạm tội trong trường hợp gây chết 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.</p>	Khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 258
124	<p>Tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có tổ chức; b) Phạm tội 02 lần trở lên; c) Tái phạm nguy hiểm.” 	Khoản 2 Điều 259
125	<p>Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ</p> <p>“4. Người tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ</p>	Khoản 4 và Khoản 5

	<p><i>thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</i></p> <p>5. Vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ mà có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe hoặc tài sản của người khác nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị <i>phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng</i>, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.”</p>	Điều 260
126	<p>Tội cản trở giao thông đường bộ</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì <i>bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng</i> hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Tại các đèo, dốc, đường cao tốc hoặc đoạn đường nguy hiểm;</p> <p>b) Làm chết 02 người;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;</p> <p>d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>...4. Người đào, khoan, xẻ, san lấp trái phép các công trình giao thông đường bộ; đặt, để trái phép vật liệu, phế thải, rác thải, đổ chất gây trơn, vật sắc nhọn hoặc các chướng ngại vật khác gây cản trở giao thông đường bộ; tháo dỡ, di chuyển trái phép, làm sai lệch, che khuất hoặc phá hủy biển báo hiệu, đèn tín hiệu, cọc tiêu, gương cầu, dải phân cách hoặc các thiết bị an toàn giao thông đường bộ khác; mở đường giao cắt trái phép qua đường bộ, đường có dải phân cách; sử dụng trái phép lề đường, hè phố, phần đường xe chạy; sử dụng trái phép hành lang an toàn giao thông bộ hoặc vi phạm quy định về bảo đảm an toàn giao thông khi thi công trên đường bộ gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p>	Khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều 261

	<p>...5. Phạm tội trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe hoặc tài sản của người khác nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm.”</p>	
127	<p>Tội đưa vào sử dụng các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật tham gia giao thông</p> <p>“1. Người nào chịu trách nhiệm trực tiếp về việc điều động hoặc về tình trạng kỹ thuật mà cho phép đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật tham gia giao thông thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết 01 người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe cho 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>...4. Người chịu trách nhiệm trực tiếp về việc điều động hoặc về tình trạng kỹ thuật mà cho phép đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật tham gia giao thông gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây</p>	<p>Khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 262</p>

	<i>thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm."</i>	
128	<p>Tội điều động người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường bộ</p> <p><i>"4. Người có thẩm quyền mà biết rõ người không có giấy phép lái xe, không đủ sức khỏe, độ tuổi để điều khiển phương tiện, người đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định hoặc có sử dụng chất ma túy hoặc các chất kích thích mạnh khác mà vẫn điều động người đó điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường bộ gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm."</i></p>	Khoản 4 Điều 263
129	<p>Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường bộ</p> <p><i>"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> a) Làm chết 02 người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên; c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%; d) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng. <p><i>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> a) Làm chết 03 người trở lên; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên; c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; 	Khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 264

	<p>d) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người có thẩm quyền mà biết rõ người không có giấy phép lái xe, không đủ sức khỏe, độ tuổi để điều khiển phương tiện, người đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định hoặc có sử dụng chất ma túy hoặc các chất kích thích mạnh khác mà vẫn điều động người đó điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường bộ gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.”</p>	
130	<p>Tội tổ chức đua xe trái phép</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Tổ chức đua xe trái phép cho từ 10 xe tham gia trở lên hoặc cùng một lúc tổ chức 02 cuộc đua xe trở lên;</p> <p>b) Tổ chức cá cược;</p> <p>c) Tổ chức việc chống lại người có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông hoặc người có trách nhiệm giải tán cuộc đua xe trái phép;</p> <p>d) Tổ chức đua xe nơi tập trung đông dân cư;</p> <p>d) Tháo dỡ các thiết bị an toàn khỏi phương tiện đua;</p> <p>e) Làm chết 01 người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>g) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;</p> <p>h) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>i) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>k) Tái phạm về tội này hoặc tội đua xe trái phép.</p> <p>...5. Người tổ chức trái phép việc đua xe ô tô, xe máy hoặc các loại xe khác có gắn động cơ gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể</p>	Khoản 2 và khoản 5 Điều 265

	<i>từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm."</i>	
131	<p>Tội đua xe trái phép</p> <p>"1. Người nào đua trái phép xe ô tô, xe máy hoặc các loại xe khác có gắn động cơ thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%;</p> <p>c) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết 01 người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>đ) Gây tai nạn rồi bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn;</p> <p>e) Tham gia cá cược;</p> <p>g) Chống lại người có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông hoặc người có trách nhiệm giải tán cuộc đua xe trái phép;</p> <p>h) Đua xe nơi tập trung đông dân cư;</p> <p>i) Tháo dỡ các thiết bị an toàn khỏi phương tiện đua;</p> <p>k) Tái phạm nguy hiểm.</p>	Khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 266

	<p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.”</p>	
132	<p>Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường sắt</p> <p>“4. Phạm tội trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả thực tế gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe hoặc tài sản của người khác, nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>5. <i>Người chỉ huy, điều khiển phương tiện giao thông đường sắt mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường sắt gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</i>”</p>	Khoản 4 và khoản 5 Điều 267
133	<p>Tội cản trở giao thông đường sắt</p> <p>“1. Người nào đặt chướng ngại vật trên đường sắt; làm xô dịch ray, tà vẹt; tự ý khoan, đào, xẻ trái phép nền đường sắt, mở đường ngang, xây công hoặc các công trình khác trái phép qua đường sắt; làm hỏng, thay đổi, chuyển dịch, che khuất tín hiệu,</p>	Khoản 1 và khoản 4 Điều 268

	<p>biển hiệu, mốc hiệu của công trình giao thông đường sắt; để súc vật đi qua đường sắt không theo đúng quy định hoặc để súc vật kéo xe qua đường sắt mà không có người điều khiển; đưa trái phép phương tiện tự tạo, phương tiện không được phép chạy trên đường sắt hoặc phá hoại phương tiện giao thông vận tải đường sắt hoặc lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình giao thông đường sắt cản trở giao thông đường sắt, gây thiệt hại thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết 01 người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>e) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>...4. Người đặt chướng ngại vật trên đường sắt; làm xê dịch ray, tà vẹt; tự ý khoan, đào, xẻ trái phép nền đường sắt, mở đường ngang, xây cống hoặc các công trình khác trái phép qua đường sắt; làm hỏng, thay đổi, chuyển dịch, che khuất tín hiệu, biển hiệu, mốc hiệu của công trình giao thông đường sắt; để súc vật đi qua đường sắt không theo đúng quy định hoặc để súc vật kéo xe qua đường sắt mà không có người điều khiển; đưa trái phép phương tiện tự tạo, phương tiện không được phép chạy trên đường sắt hoặc phá hoại phương tiện giao thông vận tải đường sắt hoặc lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình giao thông đường sắt cản trở giao thông đường sắt gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm."</p>	
--	--	--

134	<p>Tội đưa vào sử dụng các phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt không bảo đảm an toàn</p> <p><i>4. Người chịu trách nhiệm trực tiếp về việc điều động hoặc về tình trạng kỹ thuật của phương tiện giao thông đường sắt mà cho phép đưa vào sử dụng các phương tiện, thiết bị không có giấy chứng nhận đăng ký, đăng kiểm hoặc có nhưng biết là các phương tiện, thiết bị đó không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</i></p>	Khoản 4 Điều 269
135	<p>Tội điều động người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường sắt</p> <p><i>4. Người điều động hoặc giao cho người không có giấy phép lái tàu hoặc người không đủ sức khỏe; người đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định hoặc có sử dụng chất ma túy hoặc các chất kích thích mạnh khác điều khiển phương tiện giao thông đường sắt gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60% hoặc đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</i></p>	Khoản 4 Điều 270
136	<p>Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường sắt</p> <p><i>“1. Người nào giao cho người không có giấy phép lái tàu hoặc người đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định hoặc có sử dụng chất ma túy hoặc các chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện giao thông đường sắt gây thiệt hại thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</i></p> <p>a) Làm chết 01 người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61%</p>	Khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 271

	<p>trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này là 122% đến 200%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Làm chết 03 người trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người giao cho người không có giấy phép lái tàu hoặc người đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định hoặc có sử dụng chất ma túy hoặc các chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện giao thông đường sắt gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60% hoặc đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm."</p>	
--	---	--

137	<p>Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy</p> <p><i>5. Người điều khiển phương tiện giao thông đường thủy mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường thủy gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</i></p>	Khoản 5 Điều 272
138	<p>Tội cản trở giao thông đường thủy</p> <p><i>4. Người khoan, đào trái phép làm hư hại kết cấu của các công trình giao thông đường thủy; tạo ra chướng ngại vật gây cản trở giao thông đường thủy mà không đặt và duy trì báo hiệu; di chuyển làm giảm hiệu lực, tác dụng của báo hiệu; tháo dỡ báo hiệu hoặc phá hoại công trình giao thông đường thủy; lấn chiếm luồng hoặc hành lang bảo vệ luồng giao thông đường thủy hoặc hành vi khác cản trở giao thông đường thủy gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</i></p>	Khoản 4 Điều 273
139	<p>Tội đưa vào sử dụng các phương tiện giao thông đường thủy không bảo đảm an toàn</p> <p><i>4. Người chịu trách nhiệm trực tiếp về việc điều động hoặc về tình trạng kỹ thuật của phương tiện giao thông đường thủy mà cho phép đưa vào sử dụng phương tiện giao thông đường thủy rõ ràng không bảo đảm an toàn gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60% hoặc đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</i></p>	Khoản 4 Điều 274
140	<p>Tội điều động người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường thủy</p>	Khoản 4 Điều 275

	<p>4. Người điều động người không có giấy phép, giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ chuyên môn theo quy định hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật giao thông đường thủy gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60% hoặc đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p>	
141	<p>Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường thủy</p> <p>“1. Người nào giao cho người không có giấy phép, giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ chuyên môn theo quy định hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện giao thông đường thủy gây thiệt hại thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết 01 người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>...4. Người giao cho người không có giấy phép, giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ chuyên môn theo quy định hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện giao thông đường thủy gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60% hoặc đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi</p>	Khoản 1 Điều 276

	<i>phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm."</i>	
142	<p>Tội cản trở giao thông đường không</p> <p><i>4. Người đặt các chướng ngại vật cản trở giao thông đường không; di chuyển trái phép, làm sai lệch, che khuất, hoặc phá huỷ các biển hiệu, tín hiệu an toàn giao thông đường không; sử dụng sai hoặc làm nhiễu các tần số thông tin liên lạc; cố ý cung cấp thông tin sai đến mức gây uy hiếp an toàn của tàu bay đang bay hoặc trên mặt đất; an toàn của hành khách, tổ bay, nhân viên mặt đất hoặc người tại cảng hàng không, sân bay và công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng; làm hư hỏng trang thiết bị của sân bay hoặc trang thiết bị phụ trợ khác phục vụ cho an toàn bay hoặc hành vi khác cản trở giao thông đường không cản trở giao thông đường không gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60% hoặc đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</i></p>	Khoản 4 Điều 278
143	<p>Tội đưa vào sử dụng phương tiện giao thông đường không không bảo đảm an toàn</p> <p><i>5. Người có trách nhiệm trực tiếp về việc điều động hoặc về tình trạng kỹ thuật của các phương tiện giao thông đường không mà cho đưa vào sử dụng các phương tiện rõ ràng không bảo đảm an toàn kỹ thuật, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</i></p>	Khoản 5 Điều 279
144	<p>Tội điều động hoặc giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường không</p> <p><i>5. Người điều động hoặc giao cho người không có giấy phép người lái tàu bay hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện giao thông đường không gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người</i></p>	Khoản 5 Điều 280

	<i>trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</i>	
145	<p>Tội vi phạm quy định về duy tu, sửa chữa, quản lý các công trình giao thông</p> <p>“1. Người nào có trách nhiệm trong việc duy tu, sửa chữa, quản lý các công trình giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường không mà có một trong các hành vi sau đây, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:</p> <p>a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về duy tu, bảo dưỡng, quản lý để công trình giao thông không bảo đảm trạng thái an toàn kỹ thuật và tiêu chuẩn kỹ thuật của công trình liên quan đến bảo đảm an toàn giao thông;</p> <p>b) Không khắc phục kịp thời đối với các công trình giao thông bị hư hỏng, đe dọa an toàn giao thông;</p> <p>c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các biện pháp hướng dẫn, điều khiển giao thông, đặt biển hiệu, cọc tiêu, rào chắn ngăn ngừa tai nạn khi công trình giao thông đã bị hư hại chưa kịp hoặc đang tiến hành duy tu, sửa chữa;</p> <p>d) Không thường xuyên kiểm tra và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên đoạn đường đèo dốc nguy hiểm, đoạn đường có đá lở, đất sụt, nước ngập hoặc trên các đoạn đường có nguy cơ không bảo đảm an toàn giao thông;</p> <p>đ) Không có biện pháp xử lý kịp thời và biện pháp ngăn ngừa tai nạn khi phát hiện hoặc được tin báo công trình giao thông thuộc thẩm quyền quản lý của mình bị hư hỏng;</p> <p>e) Không đặt hoặc đặt không đủ các tín hiệu phòng vệ theo quy định thi công, sửa chữa công trình giao thông;</p> <p>g) Không thu dọn, thanh thải các biển phòng vệ, rào chắn, phương tiện, các vật liệu khi thi công xong;</p> <p>h) Vi phạm khác về duy tu, bảo dưỡng, quản lý công trình giao thông.”</p>	Khoản 1 Điều 281
146	<p>Tội điều khiển tàu bay vi phạm các quy định về hàng không của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>“1. Người nào điều khiển tàu bay vào hoặc ra khỏi Việt Nam mà vi phạm các quy định về hàng không của nước Cộng</p>	Khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều

	<p>hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 110 và Điều 111 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết 01 người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>5. Người điều khiển tàu bay vào hoặc ra khỏi Việt Nam mà vi phạm các quy định về hàng không của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 110 và Điều 111 của Bộ luật này gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.</p>	283
147	<p>Tội điều khiển phương tiện hàng hải vi phạm các quy định về hàng hải của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p>	Khoản 1 Điều 284

	<p>“1. Người điều khiển tàu thủy hay phương tiện hàng hải khác vào hoặc ra khỏi Việt Nam hoặc đi qua lãnh hải Việt Nam mà thực hiện một trong các hành vi sau đây, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60% hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 110 và Điều 111 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:</p> <p>a) Chạy quá tốc độ cho phép trong vùng nước cảng biển;</p> <p>b) Chạy không đúng vùng được phép hoạt động theo quy định;</p> <p>c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các thủ tục vào cảng, rời cảng, chế độ hoa tiêu, thủ tục neo, đậu, cập cầu, cập mạn, trật tự - vệ sinh, an toàn cháy nổ, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do phương tiện hàng hải gây ra;</p> <p>d) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về đi, tránh nhau, vượt nhau, nhường đường trong hoạt động giao thông hàng hải hoặc phương tiện giao thông hàng hải không có, không bảo đảm về còi, chuông, kèn theo âm lượng quy định;</p> <p>đ) Không bảo đảm về đèn hành trình, đèn hiệu theo tiêu chuẩn quy định; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng về phát tín hiệu về âm hiệu, tín hiệu ánh sáng.”</p>	
148	<p>Tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử</p> <p>“1. Người nào cố ý phát tán chương trình tin học gây hại cho mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;</p> <p>c) Làm lây nhiễm từ 50 phương tiện điện tử đến dưới 200 phương tiện điện tử hoặc hệ thống thông tin có từ 50 người sử dụng đến dưới 200 người sử dụng;</p> <p>d) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị</p>	Khoản 1 và khoản 2 Điều 286

	<p>phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>c) Gây thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>d) Làm lây nhiễm từ 200 phương tiện điện tử đến dưới 500 phương tiện điện tử hoặc hệ thống thông tin có từ 200 người sử dụng đến dưới 500 người sử dụng;</p> <p>đ) Tái phạm nguy hiểm.”</p>	
149	<p>Tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử</p> <p>”1. Người nào tự ý xóa, làm tổn hại hoặc thay đổi phần mềm, dữ liệu điện tử hoặc ngăn chặn trái phép việc truyền tải dữ liệu của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử hoặc có hành vi khác cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 286 và Điều 289 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>c) Làm tê liệt, gián đoạn, ngưng trệ hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử từ 30 phút đến dưới 24 giờ hoặc từ 03 lần đến dưới 10 lần trong thời gian 24 giờ;</p> <p>d) Làm đình trệ hoạt động của cơ quan, tổ chức từ 24 giờ đến dưới 72 giờ;</p> <p>đ) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng quyền quản trị mạng máy tính, mạng viễn thông;</p>	<p>Khoản 1 và khoản 2 Điều 287</p>

	<p>c) Tái phạm nguy hiểm;</p> <p>d) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>đ) Gây thiệt hại từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;</p> <p>e) Làm tê liệt, gián đoạn, ngưng trệ hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử từ 24 giờ đến dưới 168 giờ hoặc từ 10 lần đến dưới 50 lần trong thời gian 24 giờ;</p> <p>g) Làm đình trệ hoạt động của cơ quan, tổ chức từ 72 giờ đến dưới 168 giờ.”</p>	
150	<p>Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông</p> <p>”2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng quyền quản trị mạng máy tính, mạng viễn thông;</p> <p>c) Thu lợi bất chính 200.000.000 đồng trở lên;</p> <p>d) Gây thiệt hại 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>đ) Xâm phạm bí mật cá nhân dẫn đến người bị xâm phạm tự sát;</p> <p>e) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc quan hệ đối ngoại của Việt Nam;</p> <p>g) Dẫn đến biểu tình.”</p>	Khoản 2 Điều 288
151	<p>Tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác</p> <p>”2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>d) Gây thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>đ) Đối với trạm trung chuyển internet quốc gia, hệ thống cơ</p>	Khoản 2 Điều 289

	sở dữ liệu tên miền và hệ thống máy chủ tên miền quốc gia; e) Tái phạm nguy hiểm.”	
152	<p>Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản</p> <p>“1. Người nào sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử thực hiện một trong những hành vi sau đây, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm <i>hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm</i>:</p> <p>a) Sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ;</p> <p>b) Làm, tàng trữ, mua bán, sử dụng, lưu hành thẻ ngân hàng giả nhằm chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ;</p> <p>c) Truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản;</p> <p>d) Lừa đảo trong thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp hoặc giao dịch chứng khoán qua mạng nhằm chiếm đoạt tài sản;</p> <p>đ) Thiết lập, cung cấp trái phép dịch vụ viễn thông, internet nhằm chiếm đoạt tài sản.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>d) Số lượng thẻ giả từ 50 thẻ đến dưới 200 thẻ;</p> <p>đ) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>e) Gây thiệt hại từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Số lượng thẻ giả 500 thẻ trở lên.”</p>	Khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 290

153	<p>Tội vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở những nơi đông người</p> <p>“1. Người nào vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở những nơi đông người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Làm chết 01 người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;</p> <p>đ) Là người có trách nhiệm về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở những nơi đông người.</p> <p>...4. Người vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở những nơi đông người gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.”</p>	Khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 295
154	<p>Tội vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng</p>	Khoản 4 Điều 298

	<p>4. Người vi phạm quy định về xây dựng trong các lĩnh vực khảo sát, thiết kế, thi công, sử dụng nguyên liệu, vật liệu, máy móc, giám sát, nghiệm thu công trình hay các lĩnh vực khác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 225 hoặc Điều 281 của Bộ luật này, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p>	
155	<p>Tội khủng bố</p> <p>4. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>	Khoản 4 Điều 299
156	<p>Tội tài trợ khủng bố</p> <p>2. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p>	Khoản 2 Điều 300
157	<p>Tội phá huỷ công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, tù chung thân:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có tổ chức; b) Làm công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia hư hỏng, ngưng hoạt động; c) Làm chết 03 người trở lên; d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên; đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 200% trở lên; e) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên; g) Gây ảnh hưởng xấu đến tình hình kinh tế- xã hội; h) Tái phạm nguy hiểm. <p>3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”</p>	Khoản 2 và khoản 3 Điều 303
158	<p>Tội thiếu trách nhiệm trong việc giữ vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ gây hậu quả nghiêm trọng</p> <p>“1. Người nào được giao vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ mà thiếu trách nhiệm để</p>	Khoản 1, khoản 2 và khoản 4

	<p>người khác sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết 01 người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;</p> <p>c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>4. Người được giao vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ mà thiếu trách nhiệm để người khác sử dụng gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm."</p>	Điều 308
159	<p>Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, phát tán, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân</p> <p>"5. Người sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, phát tán, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này</p>	Khoản 5 Điều 309

	<i>từ 31% đến 60%, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”</i>	
160	<p>Tội vi phạm quy định về quản lý chất cháy, chất độc</p> <p><i>“4. Người vi phạm quy định về quản lý việc sản xuất, trang bị, sử dụng, bảo quản, lưu giữ, vận chuyển hoặc mua bán chất cháy, chất độc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31 % đến 60 %, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.”</i></p>	Khoản 4 Điều 312
161	<p>Tội vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy</p> <p><i>“5. Phạm tội trong trường hợp có khả năng thực tế gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe hoặc tài sản của người khác, nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc bị phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.”</i></p>	Khoản 5 Điều 313
162	<p>Tội vi phạm quy định về an toàn vận hành công trình điện</p> <p><i>“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60% hoặc gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</i></p> <p>a) Cho phép xây nhà, công trình hoặc tự ý xây nhà, công trình trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình điện;</p> <p>b) Gây nổ, gây cháy, đốt rừng làm nương rẫy, làm đổ cây ảnh hưởng đến an toàn vận hành công trình điện;</p> <p>c) Đào hố, đóng cọc, xây nhà lên hành lang bảo vệ đường cáp điện ngầm;</p> <p>d) Thả neo tàu, thuyền trong hành lang bảo vệ đường cáp điện ngầm đặt ở lòng sông, lòng biển đã có thông báo hoặc biển báo;</p> <p>đ) Lắp các thiết bị điện hoặc thi công đường điện không bảo đảm an toàn.</p>	Khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 314

	<p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết người;</p> <p>b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe hoặc tài sản của người khác nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.”</p>	
163	<p>Tội vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, pha chế thuốc, cấp phát thuốc, bán thuốc hoặc dịch vụ y tế khác</p> <p>“4. Người vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, pha chế, cấp phát thuốc, bán thuốc hoặc dịch vụ y tế khác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 259 của Bộ luật này, gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31-% đến 60-% hoặc đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.”</p>	Khoản 4 Điều 315
164	<p>Tội phá thai trái phép</p> <p>“1. Người nào thực hiện việc phá thai trái phép cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:</p> <p>a) Làm chết 01 người hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>b) Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;</p> <p>c) Gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;</p> <p>d) Đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà</p>	Khoản 1 và khoản 2 Điều 316

	<p>còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Làm chết 02 người;</p> <p>b) Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;</p> <p>c) Gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%.”</p>	
165	<p>Tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm</p> <p>“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây vi phạm các quy định về an toàn thực phẩm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Sử dụng chất cấm trong sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản thực phẩm hoặc bán, cung cấp thực phẩm mà biết rõ là thực phẩm có sử dụng chất cấm;</p> <p>b) Sử dụng hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, làm muối, sơ chế, chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản và muối tạo ra dư lượng vượt ngưỡng cho phép trong sản phẩm;</p> <p>c) Sử dụng các loại hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, chất xử lý cải tạo môi trường ngoài danh mục được phép sử dụng hoặc không rõ nguồn gốc xuất xứ hoặc không đúng quy định trong sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản thực phẩm trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, làm muối tạo ra dư lượng vượt ngưỡng cho phép trong sản phẩm hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi tại điểm này hoặc điểm a khoản này mà còn vi phạm;</p> <p>d) Chế biến, cung cấp hoặc bán thực phẩm mà biết rõ là thực phẩm không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật, quy định về an toàn thực phẩm; sử dụng hóa chất, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến ngoài danh mục được phép sử dụng hoặc không rõ nguồn gốc xuất xứ trong sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản thực phẩm; gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60% hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù 03 năm đến 07 năm:</p>	<p>Khoản 1 và khoản 2 Điều 317</p>

	<p>a) Phạm tội có tổ chức;</p> <p>b) Làm chết 01 người hoặc gây tổn hại sức khỏe cho 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;</p> <p>d) Gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%.</p> <p>đ) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>e) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.”</p>	
166	<p>Tội đánh bạc</p> <p>“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”</p>	Khoản 1 Điều 321
167	<p>Tội dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người dưới 18 tuổi phạm pháp</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Rủ rê, dụ dỗ, lôi kéo, mua chuộc, kích động, xúi giục, đe dọa, uy hiếp, ép buộc, chứa chấp nhiều người;</p> <p>c) Đối với người dưới 13 tuổi;</p> <p>d) Rủ rê, dụ dỗ, lôi kéo, mua chuộc, kích động, xúi giục, đe dọa, uy hiếp, ép buộc, chứa chấp người dưới 18 tuổi thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>đ) Tái phạm nguy hiểm.”</p>	Khoản 2 Điều 325
168	<p>Tội chứa mại dâm</p> <p>“1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p>	Khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 327

	<p>b) Cường bức mại dâm;</p> <p>c) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>d) Chứa mại dâm 04 người trở lên;</p> <p>đ) Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi;</p> <p>e) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bán dâm từ 11% đến 45%;</p> <p>g) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;</p> <p>h) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;</p> <p>b) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>c) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bán dâm 46% trở lên.”</p>	
169	<p>Tội môi giới mại dâm</p> <p>“1. Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi;</p> <p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>d) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>đ) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>e) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.”</p>	Khoản 1 và khoản 2 Điều 328
170	<p>Tội mua dâm người dưới 18 tuổi</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Mua dâm 02 lần trở lên;</p> <p>b) Mua dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;</p> <p>c) Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn</p>	Khoản 2 và khoản 3 Điều 329

	<p>thương cơ thể từ 31% đến 60%.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;</p> <p>b) Diết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội;</p> <p>b) Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.”</p>	
171	<p>Tội sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Sử dụng giấy tờ, tài liệu đã bị sửa chữa hoặc làm sai lệch thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng.”</p>	Khoản 2 Điều 340
172	<p>Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức</p> <p>“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) -Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên;</p> <p>b) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng;</p> <p>c) Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên.”</p>	Khoản 1 và khoản 3 Điều 341
173	<p>Tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép</p> <p>“1. Người nào tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 120 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p>	Khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 349

	<p>a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Đối với từ 05 người đến 10 người;</p> <p>d) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>đ) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Đối với 11 người trở lên;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>c) Làm chết người."</p>	
174	<p>Tội nhận hối lộ</p> <p>1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian nhận hoặc sẽ nhận bất kỳ lợi ích nào sau đây cho chính bản thân người đó hoặc cho người hoặc tổ chức khác để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm;</p> <p>b) Lợi ích phi vật chất.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>c) Của hối lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đến dưới 3.000.000.000 đồng;</p> <p>đ) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>e) Biết rõ của hối lộ là tài sản của Nhà nước;</p> <p>g) Đòi hối lộ, sách nhiễu hoặc dùng thủ đoạn xảo quyệt.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Của hối lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá</p>	<p>Khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 354</p>

	<p>từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:</p> <p>a) Của hồi lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên.”</p>	
175	<p>Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản</p> <p>1. Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm:</p> <p>a) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;</p> <p>b) Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 năm đến 13 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;</p> <p>c) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>đ) Gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đến dưới 3.000.000.000 đồng;</p> <p>e) Chiếm đoạt tiền, tài sản dùng vào mục đích xóa đói, giảm nghèo; tiền, phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách mạng; các loại quỹ dự phòng hoặc các loại tiền, tài sản trợ cấp, quyên góp cho những vùng bị thiên tai, dịch bệnh hoặc các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 13 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Dẫn đến doanh nghiệp hoặc tổ chức khác bị phá sản hoặc ngừng hoạt động;</p>	<p>Khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 355</p>

	<p>d) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên.</p>	
176	<p>Tội tham ô tài sản</p> <p>“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;</p> <p>b) Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;</p> <p>c) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>d) Chiếm đoạt tiền, tài sản dùng vào mục đích xóa đói, giảm nghèo; tiền, phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách mạng; các loại quỹ dự phòng hoặc các loại tiền, tài sản trợ cấp, quyên góp cho những vùng bị thiên tai, dịch bệnh hoặc các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn;</p> <p>e) Gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đến dưới 3.000.000.000 đồng;</p> <p>g) Ảnh hưởng xấu đến đời sống của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, tổ chức.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;</p> <p>c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;</p> <p>d) Dẫn đến doanh nghiệp hoặc tổ chức khác bị phá sản hoặc ngừng hoạt động.</p>	<p>Khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 353</p>

	<p>4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:</p> <p>a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên.”</p>	
177	<p>Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.”</p>	Khoản 2 và khoản 3 Điều 357
178	<p>Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng</p> <p>“4. Người có chức vụ, quyền hạn vì thiếu trách nhiệm mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc -gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31-% đến 60-%, trừ trường hợp quy định tại các điều 179, 308 và 376 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.”</p>	Khoản 4 Điều 360
179	<p>Tội đưa hối lộ</p> <p>“1. Người nào trực tiếp hay qua trung gian đã đưa hoặc sẽ đưa cho người có chức vụ, quyền hạn hoặc người khác hoặc tổ chức khác bất kỳ lợi ích nào sau đây để người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;</p> <p>b) Lợi ích phi vật chất.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Dùng thủ đoạn xảo quyệt;</p>	Khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 364

	<p>c) Dùng tài sản của Nhà nước để đưa hối lộ;</p> <p>d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>đ) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p><i>e) Của hối lộ là tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</i></p> <p>3. Phạm tội trong trường hợp của hối lộ là tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng, thì <i>bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm.</i></p> <p>4. Phạm tội trong trường hợp của hối lộ là tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên, thì <i>bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.</i></p>	
180	<p>Tội môi giới hối lộ</p> <p>“1. Người nào môi giới hối lộ mà của hối lộ thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị <i>phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</i></p> <p>a) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;</p> <p>b) Lợi ích phi vật chất.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ <i>02 năm đến 07 năm:</i></p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Dùng thủ đoạn xảo quyệt;</p> <p>d) Biết của hối lộ là tài sản của Nhà nước;</p> <p>đ) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>e) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>g) Của hối lộ trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc trường hợp của hối lộ trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng, thì <i>bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</i></p> <p>4. Phạm tội thuộc trường hợp của hối lộ trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên, thì <i>bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm.</i></p>	Khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 365
181	<p>Tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi</p> <p>“1. Người nào trực tiếp hoặc qua trung gian nhận bất kỳ lợi</p>	Khoản 1 và khoản 2

	<p>ích nào dưới mọi hình thức thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, để dùng ảnh hưởng của mình thúc đẩy người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc thuộc trách nhiệm của họ hoặc làm một việc không được phép làm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:</p> <p>a) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;</p> <p>b) Lợi ích phi vật chất.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;</p> <p>c) Tái phạm nguy hiểm.”</p>	Điều 366
182	<p>Tội ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp làm trái pháp luật</p> <p>“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng, thi hành án làm trái pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Dẫn đến ra bản án hoặc quyết định trái pháp luật;</p> <p>c) Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn nguy hiểm, xảo quyệt khác;</p> <p>d) Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;</p> <p>đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.”</p>	Khoản 1 và khoản 2 Điều 372
183	<p>Tội không chấp hành án</p> <p>“1. Người nào có điều kiện mà không chấp hành bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mặc dù đã bị áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.”</p>	Khoản 1 Điều 380

184	<p>Tội vi phạm việc niêm phong, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản</p> <p>“1. Người nào được giao giữ, quản lý tài sản bị kê biên, bị niêm phong hoặc vật chứng bị niêm phong, tài khoản bị phong tỏa mà thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:</p> <p>a) Phá huỷ niêm phong, giải tỏa việc phong tỏa tài khoản mà không có quyết định của người có thẩm quyền;</p> <p>b) Tiêu dùng, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu hoặc huỷ hoại tài sản bị kê biên.”</p>	Khoản 1 Điều 385
185	<p>Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị áp giải, đang bị xét xử</p> <p>“1. Người nào đang bị tạm giữ, tạm giam, áp giải, xét xử hoặc chấp hành án phạt tù mà bỏ trốn, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”</p>	Khoản 1 Điều 386
186	<p>Tội chống mệnh lệnh</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Lôi kéo người khác phạm tội;</p> <p>c) Dùng vũ lực;</p> <p>d) Gây hậu quả nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Trong chiến đấu;</p> <p>b) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>c) Trong thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn;</p> <p>d) Trong tình trạng khẩn cấp;</p> <p>đ) Gây hậu quả rất nghiêm trọng.</p> <p>4. Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.”</p>	Khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 394
187	<p>Tội cản trở đồng đội thực hiện nhiệm vụ</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p>	Khoản 2 và khoản 3 Điều 396

	<p>b) Lôi kéo người khác phạm tội;</p> <p>c) Dùng vũ lực;</p> <p>d) Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Trong chiến đấu;</p> <p>b) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>c) Trong thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn;</p> <p>d) Trong tình trạng khẩn cấp;</p> <p>đ) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.”</p>	
188	<p>Tội làm nhục đồng đội</p> <p>“1. Người nào trong quan hệ công tác mà xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự đồng đội, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sỹ quan;</p> <p>b) Đối với chỉ huy hoặc cấp trên;</p> <p>c) Vì lý do công vụ của nạn nhân;</p> <p>d) Trong khu vực có chiến sự;</p> <p>đ) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>e) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>g) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân 46% trở lên;</p> <p>h) Làm nạn nhân tự sát.”</p>	Khoản 1 và khoản 2 Điều 397
189	<p>Tội đầu hàng địch</p> <p>“1. Người nào đầu hàng địch, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sỹ quan;</p> <p>b) Giao nộp cho địch vũ khí, phương tiện kỹ thuật quân sự;</p> <p>c) Giao nộp tài liệu quan trọng hoặc khai báo bí mật công tác quân sự;</p> <p>d) Lôi kéo người khác phạm tội;</p>	Khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 399

	<p>d) Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Giao nộp cho địch vật, tài liệu bí mật nhà nước hoặc khai báo bí mật nhà nước;</p> <p>b) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.”</p>	
190	<p>Tội khai báo hoặc tự nguyện làm việc cho địch khi bị bắt làm tù binh</p> <p>“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Đối xử tàn ác với tù binh khác;</p> <p>c) Lôi kéo người khác khai báo, làm việc cho địch;</p> <p>d) Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Giao nộp cho địch vật, tài liệu bí mật nhà nước hoặc khai báo bí mật nhà nước;</p> <p>b) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.”</p>	Khoản 2 và khoản 3 Điều 400
191	<p>Tội bỏ vị trí chiến đấu hoặc không làm nhiệm vụ trong chiến đấu</p> <p>“1. Người nào tự ý rời bỏ vị trí chiến đấu hoặc không làm nhiệm vụ trong chiến đấu, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan;</p> <p>b) Bỏ vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự hoặc tài liệu bí mật công tác quân sự;</p> <p>c) Lôi kéo người khác phạm tội;</p> <p>d) Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.”</p>	Khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 401
192	<p>Tội đào ngũ</p> <p>“1. Người nào rời bỏ hàng ngũ quân đội nhằm trốn tránh nghĩa vụ trong thời chiến hoặc đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03</p>	Khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 402

	<p>năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan; b) Lôi kéo người khác phạm tội; c) Mang theo, vứt bỏ vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự hoặc tài liệu bí mật quân sự; d) Gây hậu quả rất nghiêm trọng." <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Trong chiến đấu; b) Trong khu vực có chiến sự; c) Trong khi thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn; d) Trong tình trạng khẩn cấp; đ) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng." 	
193	<p>Tội trốn tránh nhiệm vụ</p> <p>"1. Người nào tự gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của mình hoặc dùng thủ đoạn gian dối khác để trốn tránh nhiệm vụ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm."</p>	Khoản 1 Điều 403
194	<p>Tội vi phạm quy định về bảo vệ</p> <p>"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Làm người được bảo vệ, hộ tống chết; b) Làm mất phương tiện kỹ thuật, thiết bị quân sự; c) Trong chiến đấu; d) Trong khu vực có chiến sự; đ) Lôi kéo người khác phạm tội; e) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng." 	Khoản 2 Điều 410
195	<p>Tội chiếm đoạt hoặc huỷ hoại chiến lợi phẩm</p> <p>"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Là chỉ huy hoặc sĩ quan; b) Chiến lợi phẩm trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; 	Khoản 2 và khoản 3 Điều 419

	<p>c) Gây ảnh hưởng xấu đến uy tín quân đội;</p> <p>d) Chiến lợi phẩm có giá trị trong quân sự;</p> <p>đ) Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị <i>phạt tù từ 05 năm đến 10 năm</i>:</p> <p>a) Chiến lợi phẩm trị giá 500.000.000 đồng trở lên;</p> <p>b) Chiến lợi phẩm có giá trị đặc biệt trong quân sự;</p> <p>c) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.”</p>	
--	---	--